TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2025/DS-PT
Ngày 15/4/2025
"V/v Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Ông Trần Tuấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Chúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 631/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận O bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Bành Tấn P, sinh năm 1964.

2. Ông Bành Tấn L, sinh năm 1957 (chết ngày 05/10/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L: Bà Trần Thị T, sinh năm 1959; Bà Bành Thị L, sinh năm 1984 và ông Trần Anh T, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: Khu vực TP, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Bành Thị Ánh H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu vực TP, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Bành Tấn B, sinh năm 1942 (chết ngày 08/7/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bộ:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1942; ông Bành Tấn S, sinh năm 1972; ông Bành Tấn G, sinh năm 1973; ông Bành Tấn P, sinh năm 1976; ông Bành

Tấn V, sinh năm 1978; bà Bành Ngọc H, sinh năm 1980. Cùng địa chỉ: Khu vực T1, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Bà Bành Ngọc H1, sinh năm 1967; bà Bành Ngọc Q, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Khu vực TP, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Bà Bành Thị Ngọc B, sinh năm 1969. Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bộ: ông Bành Tấn V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ. (Hợp đồng ủy quyền ngày 24/5/2024 và ngày 25/5/2024).

5. Ông Bành Tấn T, sinh năm 1952. Địa chỉ: xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Bành Ngọc A, sinh năm 1959. Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

7. Bà Bành Thị U, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu vực 1, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P, bà H, ông T, bà A, bà U, bà T, bà L và ông T: ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1987. Địa chỉ: phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (Giấy ủy quyền ngày 16/9/2017)

8. Bà Bành Thị B, sinh năm 1945 (chết 13/12/2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1937; ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1968; ông Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1972; bà Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh năm 1978; ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1983.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, ông N, ông N1, ông V: bà Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh năm 1978. (Giấy ủy quyền ngày 17/7/2020). Cùng địa chỉ: phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1962. Địa chỉ: thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P1: Ông Bành Tấn P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khu vực TP, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ. (Giấy ủy quyền ngày 05/6/2024)

- *Bị đơn:* Bà Bành Thị B1, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Khu vực TP, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Phương Đ, sinh năm 1981.

2. Bà Trần Thị Hồng P, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Khu vực TP, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: *1.Bà Bành Thị B1 là bị đơn.*

2.Ông Trần Phương Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2017, đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án đề ngày 21/12/2021, bản tự khai ngày 28/9/2024 và quá trình giải quyết, các nguyên đơn nguyên đơn ông Bành Tấn P, bà Bành Thị Ánh H, ông Bành Tấn T, bà Bành Ngọc A, bà Bành Thị U, Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn L gồm Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T (có ông Nguyễn Huy Khánh đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Nguyên trước đây cha mẹ nguyên đơn là ông Bành Văn H (chết ngày 12/02/2010) và bà Huỳnh Thị C (chết ngày 24/02/2009) có 09 người con gồm: Ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn L, bà Bành Thị Ánh H, ông Bành Tấn B, bà Bành Thị B, ông Bành Tấn T, bà Bành Ngọc A, bà Bành Thị U, Bà Bành Thị B1.

Ông H và bà C lúc sinh thời có tạo lập phần đất tại thửa đất 87, 88, 89 và 265, tờ bản đồ số 4, với diện tích 10.637,8mét vuông (trong đó: 766mét vuông loại đất ODT, 5.836,2mét vuông loại đất CLN và 4.305,6mét vuông loại đất LUC) và được Ủy ban nhân dân huyện O (nay là quận O) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002274/QSDĐ/TA ngày 23/07/1991. Khoảng năm 1982, ông H và bà C có cho ông Bành Tấn L (chết ngày 05/10/2017, có hàng thừa kế thứ nhất là Bà Trần Thị T, ông Trần Anh T và bà Bành Thị L,) phần đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, diện tích khoảng 184mét vuông và gia đình ông L đã sử dụng phần đất này xây dựng nhà ở nhưng do bận việc làm ăn nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kê khai QSD đất (tất cả ông bà em trong gia đình đều thừa nhận). Năm 2007, ông L có làm đơn xin cấp phép xây dựng nhà gửi đến UBND phường T, được UBND phường T xác nhận vào ngày 25/05/2007 và gia đình ông L đã xây dựng nhà ở kiên cố trên phần đất này đến nay không phát sinh tranh chấp với bất cứ ai.

Riêng bà Bành Thị Ánh H được cha mẹ cho phần đất diện tích khoảng 200mét vuông (chỉ nói miệng) để mở Doanh nghiệp kinh doanh mua bán xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4 (không làm thủ tục đăng ký kê khai QSD đất), bà H2 đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thành lập DNTN Bành Thị Ánh H kinh doanh cho đến nay không ai tranh chấp (tất cả ông bà em trong gia đình đều thừa nhận). Bà H2 không lập gia đình nên ở chung nhà với cha mẹ từ nhỏ đến nay và bà H2 đã đầu tư xây dựng mới toàn bộ căn nhà của cha mẹ để lại với kiến trúc như hiện tại và cũng chính là người phụng dưỡng cha mẹ tới lúc qua đời. Tuy nhiên, Bà Bành Thị B1 là bà ruột thứ 5 trong gia đình đã có cuộc sống riêng tư và có nhà ở riêng kế bên phần đất của ông H, khi ông H và bà C qua đời thì bà B1 không ở nhà của bà mà sang nhà của bà H2 ở (căn nhà gốc của cha mẹ bà H2 để lại) và đòi chiếm giữ luôn căn nhà này làm tài sản riêng để dành cho con trai của bà là Trần Phương Đ, trong khi bà H2 là người tự bỏ tiền ra để xây dựng toàn bộ căn nhà và cũng là nơi thờ cúng. Nhưng bà B1 lại ngang nhiên chiếm

dụng căn nhà, các ông bà em không thể vào nhà để thắp nhang cho cha mẹ vì bà B1 khóa cửa bên ngoài. Hành vi của bà B1 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

1) Tuyên căn nhà do ông Bành Tấn L xây dựng trên phần đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích 184mét vuông là thuộc quyền sử dụng riêng của ông Bành Tấn L, Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L, ông Trần Anh T được thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất trên (vì cha mẹ đã cho ông L sử dụng ổn định hơn 30 năm và các ông bà em trong gia đình đều thừa nhận).

2) Tuyên phần đất và tài sản trên đất do bà Bành Thị Ánh H đang kinh doanh xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 248mét vuông thuộc quyền sử dụng của bà H2 (vì cha mẹ đã cho bà H2 sử dụng kinh doanh riêng). Tuyên cho bà H2 được quyền sử dụng căn nhà, đất do cha mẹ (ông H, bà C) để lại với diện tích khoảng 229mét vuông và phần đất còn lại với diện tích khoảng 103mét vuông tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4 và bà H2 có nghĩa vụ thối lại giá trị đất phần đất với diện tích 332mét vuông (229mét vuông + 103mét vuông) theo giá nhà nước cho các đồng thừa kế (không thối giá trị căn nhà vì căn nhà do bà H2 tự bỏ tiền xây dựng).

3) Phần đất còn lại tổng diện tích là 9.470mét vuông, tờ bản đồ số 4 (trong đó thửa 88 có diện tích 2.520mét vuông, thửa 89 có diện tích 3.430mét vuông và thửa 265 có diện tích 3.520mét vuông) chia đều cho 09 đồng thừa kế (9.470mét vuông : 09 người = 1.052,2mét vuông/người). Các nguyên đơn thống nhất thối lại giá trị cho Bà Bành Thị B1 theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết, Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn L gồm Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T (có ông Nguyễn Huy Khánh đại diện theo ủy quyền) có đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/8/2024 yêu cầu như sau:

1) Công nhận phần đất với diện tích khoảng 190mét vuông (bao gồm căn nhà do ông Bành Tấn L đã xây dựng) tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, theo giấy chứng nhận QSD đất số 002274/QSDĐ/TA ngày 23/07/1991 do UBND huyện Ô Môn (nay là quận O) là thuộc quyền sử dụng của ông Bành Tấn L (có người thừa kế là Bà Trần Thị T, ông Trần Anh T, bà Bành Thị L).

2) Chia thừa kế phần đất còn lại tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 333mét vuông (trừ phần đất bà Bành Thị Ánh H đang kinh doanh xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 248mét vuông) chia đều cho 09 người (Bành Tấn B, Bành Thị B, Bành Tấn T, Bành Thị U, Bành Ngọc A, Bành Thị Ánh H, Bành Tấn P, Bành Thị Bé, Bành Tấn L) và yêu cầu được nhận đất theo quy định pháp luật.

3) Chia phần đất còn lại với diện tích khoảng 9.470mét vuông thuộc tờ bản đồ số 4 (trong đó: thửa 88 có diện tích 2.520mét vuông, thửa 89 có diện tích 3.430mét vuông và thửa 265 có diện tích 3.520mét vuông) chia đều cho 09 đồng

thừa kế nêu trên (9.470mét vuông : 09 người = 1.052,2mét vuông/người) và yêu cầu nhận hiện vật.

Tại Bản tự khai ngày 28/9/2024, các nguyên đơn ông Bành Tấn P, bà Bành Thị Ánh H, ông Bành Tấn T, bà Bành Ngọc A, bà Bành Thị U, Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T (có ông Nguyễn Huy Khánh đại diện theo ủy quyền) có yêu cầu như sau:

1) Công nhận phần đất với diện tích khoảng 184,5mét vuông (bao gồm căn nhà do ông Bành Tấn L đã xây dựng) tại vị trí điểm A theo Bản trích đo địa chính ngày 17/9/2024 thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 4, theo giấy chứng nhận QSD đất số 002274/QSDĐ/TA ngày 23/07/1991 do UBND huyện Ô Môn (nay là quận O) là thuộc quyền sử dụng của ông Bành Tấn L (có người thừa kế Bà Trần Thị T, ông Trần Anh T, bà Bành Thị L).

2) Công nhận căn nhà và đất với diện tích khoảng 142,8mét vuông tại vị trí điểm B theo bản trích đo địa chính ngày 17/9/2024 thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 4, theo giấy chứng nhận QSD đất số 002274/QSDĐ/TA ngày 23/07/1991 do UBND huyện Ô Môn (nay là quận O) là thuộc quyền sử dụng của bà Bành Thị Ánh H đang kinh doanh xăng dầu.

3) Công nhận căn nhà với diện tích 187,4mét vuông tại vị trí điểm C (căn nhà do ông H, bà C để lại) theo bản trích đo địa chính ngày 17/9/2024 thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 4 nêu trên là thuộc quyền sử dụng của bà Bành Thị Ánh H do bà H2 đã bỏ tiền ra xây dựng.

4) Chia thừa kế phần đất còn lại tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 438,7mét vuông (gồm vị trí C với diện tích 187,4mét vuông và phần đất trống còn lại 251,3mét vuông) chia đều cho 09 người (Bành Tấn B, Bành Thị B, Bành Tấn T, Bành Thị U, Bành Ngọc A, Bành Thị Ánh H, Bành Tấn P, Bành Thị Bé, Bành Tấn L) tương đương 48,7mét vuông/người và yêu cầu giao cho bà H2 sử dụng. Đồng thời, các đồng thừa kế gồm Bành Tấn T, Bành Thị U, Bành Ngọc A, Bành Thị Ánh H, Bành Tấn P, Trần Thị Tiết, Trần Anh T, Bành Thị L đồng thuận giao lại các kỷ phần cho bà H2 quản lý và bà H2 có nghĩa vụ thối lại giá trị có các đồng thừa kế khác (Bành Tấn B, Bành Thị B, Bành Thị Bé) theo quy định pháp luật.

5) Chia thừa kế phần đất còn lại diện tích khoảng 8.343mét vuông thuộc tờ bản đồ số 4 (trong đó: thửa 88 có diện tích 1.231,7mét vuông (trừ khu đất mộ 297,6mét vuông tại vị trí điểm E và phần đất tại vị trí điểm D); thửa 89 có diện tích 2.905mét vuông và thửa 265 có diện tích 4.305mét vuông) chia đều cho 09 đồng thừa kế nêu trên (8.343mét vuông : 09 người = 927mét vuông/người) và các đồng thừa kế gồm Bành Tấn T, Bành Thị U, Bành Ngọc A, Bành Thị Ánh H, Bành Tấn P, Trần Thị Tiết, Trần Anh T, Bành Thị L đồng thuận giao lại các kỷ phần cho bà H2 quản lý và bà H2 có nghĩa vụ thối lại giá trị có các đồng thừa kế khác (ông Bành Tấn B, bà Bành Thị B và Bà Bành Thị B1) theo quy định pháp luật.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 24/5/2024 và quá trình giải quyết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn B gồm: bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H (có ông Bành Tấn V là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Cha mẹ ông là ông Bành Tấn B và bà Nguyễn Thị Ngọc C. Cha ông đã chết năm 2021, cha mẹ ông có 08 người con gồm: Bành Ngọc H1, Bành Thị Ngọc B, Bành Tấn S, Bành Tấn G, Bành Tấn P, Bành Ngọc Q, Bành Tấn V và Bành Ngọc H.

Anh là con trai út của ông Bộ. ông đại diện gia đình thống nhất và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế với Bà Bành Thị B1, nội dung yêu cầu như sau:

1) Tuyên căn nhà do ông Bành Tấn L xây dựng trên phần đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích 184mét vuông là thuộc quyền sử dụng riêng của ông Bành Tấn L, Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L, ông Trần Anh T được thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất trên (vì cha mẹ đã cho ông L sử dụng ổn định hơn 30 năm và các ông bà em trong gia đình đều thừa nhận).

2) Tuyên phần đất và tài sản trên đất do bà Bành Thị Ánh H đang kinh doanh xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 248mét vuông thuộc quyền sử dụng của bà H2 (vì cha mẹ đã cho bà H2 sử dụng kinh doanh riêng). Tuyên cho bà H2 được quyền sử dụng căn nhà, đất do cha mẹ (ông H, bà C) để lại với diện tích khoảng 229mét vuông và phần đất còn lại với diện tích khoảng 103mét vuông tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4 và bà H2 có nghĩa vụ thối lại giá trị đất phần đất với diện tích 332mét vuông (229mét vuông + 103mét vuông) theo giá nhà nước cho các đồng thừa kế (không thối giá trị căn nhà vì căn nhà do bà H2 tự bỏ tiền xây dựng).

3) Phần đất còn lại tổng diện tích là 9.470mét vuông, tờ bản đồ số 4 (trong đó thửa 88 có diện tích 2.520mét vuông, thửa 89 có diện tích 3.430mét vuông và thửa 265 có diện tích 3.520mét vuông) chia đều cho 09 đồng thừa kế (9.470mét vuông : 09 người = 1.052,2mét vuông/người). Các nguyên đơn thống nhất thối lại giá trị cho Bà Bành Thị B1 theo quy định pháp luật.

Anh đại diện gia đình yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

1) Đồng ý ổn định căn nhà do ông Bành Tấn L xây dựng trên phần đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích 184mét vuông là thuộc quyền sử dụng riêng của ông Bành Tấn L, Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L, ông Trần Anh T được thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất trên.

2) Đồng ý ổn định phần đất và tài sản trên đất do bà Bành Thị Ánh H đang kinh doanh xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 248mét vuông thuộc quyền sử dụng của bà H2. Đồng ý cho bà H2 được quyền sử dụng căn nhà, đất do ông bà nội của ông (ông H, bà C) để lại với diện tích khoảng 229mét vuông và phần đất còn lại với diện tích khoảng 103mét vuông tại thửa

số 87. Không yêu cầu bà H2 thối lại giá trị phần đất với diện tích 332mét vuông (229mét vuông + 103mét vuông), không yêu cầu bà H2 thối giá trị căn nhà vì căn nhà do bà H2 tự bỏ tiền xây dựng.

3) Đối với phần đất còn lại tổng diện tích là 9.470mét vuông, tờ bản đồ số 4 (trong đó thửa 88 có diện tích 2.520mét vuông, thửa 89 có diện tích 3.430mét vuông và thửa 265 có diện tích 3.520mét vuông) yêu cầu được chia đều cho 09 đồng thừa kế (9.470mét vuông : 09 người = 1.052,2mét vuông/người). ông thống nhất thối lại giá trị cho Bà Bành Thị B1 theo quy định pháp luật.

Anh thống nhất việc Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật, không có khiếu nại gì về sau.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 12/4/2022 và quá trình giải quyết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bành Thị B gồm: ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V (có bà Nguyễn Hữu Ngọc T là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Bà Bành Thị B đã chết năm 2019, bà B có chồng tên là ông Nguyễn Văn L và 07 người con gồm: Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh N1, Nguyễn Hữu Ngọc T, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Thanh Trung (chết) và Nguyễn Thanh Bình (chết).

Bà là con thứ bảy của bà B. Bà là đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B gồm: ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1 và ông Nguyễn Thanh V. Riêng ông Nguyễn Thanh P không có ủy quyền cho bà để giải quyết vụ án này.

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh chấp với Bà Bành Thị B1, nội dung yêu cầu như sau:

1/ Tuyên căn nhà do ông Bành Tấn L xây dựng trên phần đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích 184mét vuông là thuộc quyền sử dụng riêng của ông Bành Tấn L, Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L, ông Trần Anh T được thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất trên (vì cha mẹ đã cho ông L sử dụng ổn định hơn 30 năm và các ông bà em trong gia đình đều thừa nhận).

2/ Tuyên phần đất và tài sản trên đất do bà Bành Thị Ánh H đang kinh doanh xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 248mét vuông thuộc quyền sử dụng của bà H2 (vì cha mẹ đã cho bà H2 sử dụng kinh doanh riêng). Tuyên cho bà H2 được quyền sử dụng căn nhà, đất do cha mẹ (ông H, bà C) để lại với diện tích khoảng 229mét vuông và phần đất còn lại với diện tích khoảng 103mét vuông tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4 và bà H2 có nghĩa vụ thối lại giá trị đất phần đất với diện tích 332mét vuông (229mét vuông + 103mét vuông) theo giá nhà nước cho các đồng thừa kế (không thối giá trị căn nhà vì căn nhà do bà H2 tự bỏ tiền xây dựng).

3/ Phần đất còn lại tổng diện tích là 9.470mét vuông, tờ bản đồ số 4 (trong đó thửa 88 có diện tích 2.520mét vuông, thửa 89 có diện tích 3.430mét vuông và

thửa 265 có diện tích 3.520mét vuông) chia đều cho 09 đồng thừa kế (9.470mét vuông : 09 người = 1.052,2mét vuông/người). Các nguyên đơn thống nhất thối lại giá trị cho Bà Bành Thị B1 theo quy định pháp luật.

**Tại Biên bản hòa giải ngày 06/9/2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2024, bị đơn là Bà Bành Thị B1 trình bày:*

Bà không thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn, căn nhà và cây xăng trước đây là do con bà là Trần Phương Đ và Trần Thị Hồng P cùng với bà H2 đứng ra xây dựng. Đối với căn nhà của ông Bành Tấn L thì bà cũng không đồng ý, vì không có giấy tờ gì để chứng minh việc cha bà cho phần đất này cho ông L. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì phải xuất trình được giấy tờ cho đất, xuất trình được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phương Đ và bà Trần Thị Hồng P có Đơn yêu cầu độc lập ngày 30/11/2018 (Không nộp tiền tạm ứng án phí) và tại Bản tự khai ngày 17/9/2024 ông Trần Phương Đ trình bày:*

Ông bà ngoại ông là ông Bành Tấn Hưng (chết ngày 12/02/2010) và bà Huỳnh Thị Cừu (chết ngày 24/02/2009) có 09 người con gồm: Bành Tấn P, Bành Tấn L, Bành Thị Ánh H, Bành Tấn B, Bành Thị B, Bành Tấn T, Bành Ngọc A, Bành Thị U, Bành Thị Bé. Khi các dì cậu khôn lớn thì lập gia đình có cuộc sống riêng tư không ai ở chung với ông bà ngoại, chỉ có bà em ông cùng với bà H2 chung sống với ông bà ngoại cho đến khi ông bà ngoại qua đời. Trong thời gian này ông bà có phần đất vườn trồng cây tạp, đất ruộng cùng với căn nhà đã bị xuống cấp hư hỏng, ông là cháu ngoại ở chung với ông bà ngoại nên ông đã cải tạo lại khu vườn và xây dựng lại nhà cho đến nay.

Năm 1997 ông bà ngoại có mở một cây xăng để mua bán, cây xăng 01 phần nằm dưới mé sông, 01 phần nằm trên đất của mẹ là Bà Bành Thị B1, bà H2 là người trực tiếp đứng bán cây xăng này, bà em ông là người phụ giúp. Năm 2000, bà H2 đã làm cây xăng liên tục bị thiếu hụt vốn kinh doanh, đến giữa năm 2001 thị bà H2 không còn trực tiếp đứng bán mà chuyển sang mua máy bơm cát và để cây xăng lại cho ông và bà ông đứng bán, trước tình thế khó khăn thiếu hụt vốn kinh doanh và không còn đủ tiền vốn để mua bán nữa Bà Bành Thị B1 bỏ ra số tiền 80.000.000 đồng để bà em có tiền tiếp tục kinh doanh, sau đó ổn định dần khách hàng ngày càng nhiều. Đến năm 2003, bà H2 không còn bơm cát nữa mà quay về nhà với hai bàn tay trắng, được thời gian ngắn thì bà H2 nói với 02 bà em là để bà mua trái cây về bán có thu nhập lo cho bản thân, vì bà H2 không chồng con nên bà em coi bà H2 như mẹ ruột và để bà H2 mua trái cây về bán và tiếp bà em bán xăng dầu. Năm 2005 thì sửa chữa lại cây xăng, mở rộng thêm phần nhà nằm trên đất bà B1 để phục vụ cho việc mua bán. Năm 2007 nhận được thông tin không cấp được giấy phép kinh doanh cho những cơ sở mua bán dưới mé sông, trước tình hình trên xin ý kiến cả ông bà ngoại cho đập phá căn nhà cũ và xây dựng cây xăng mua bán trên bờ và ông bà ngoại ông đồng ý, tất cả những thủ tục xây dựng cây xăng ông tự đi làm và để cho bà H2 đứng tên

thuận tiện cho việc kinh doanh mua bán. Năm 2009 khi bà ngoại mất, bà em ông có bàn với bà H2 là xây dựng căn nhà để có chổ ở ổn định và cũng lấy đó làm nơi thờ cúng ông bà. Năm 2017 cây xăng dưới mé sông hoàn toàn bị sụp lở, chỉ còn lại cây xăng trên bờ.

Anh yêu cầu Tòa án xem xét những tài sản trên đất là do bà em ông và bà H2 xây dựng gồm nhà cửa, cây xăng làm 03 phần gồm ông 01 phần, bà ông 01 phần và bà H2 01 phần. Buộc bà H2 trả cho mẹ ông là bà B1 80.000.000 đồng (tương ứng 16 lượng vàng 24K), ông yêu cầu được hưởng 01 phần đất mà ông bà ngoại ông để lại. Yêu cầu được hưởng toàn bộ cây trồng trên đất mà ông đã trồng và ông thối tiền đất cho những người được hưởng thừa kế và cho ông được ở trên căn nhà hiện tại đang ở để có cuộc sống ổn định lâu dài.

Tại Bản tự khai ngày 17/9/2024, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho mẹ anh, bà ông và ông được hưởng căn nhà với diện tích 187,4mét vuông tại thửa 87, tờ bản đồ số 04, đồng thời được thừa hưởng thành quả lao động do ông đã bỏ tiền và công sức ra xây dựng cơ sở mua bán xăng dầu và trồng cây lâu năm trên toàn bộ diện tích mà ông bà để lại cho ông sử dụng.

-Tại bản án dân sự sơ thẩm số 154/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận O đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Di sản được phân chia như sau:

1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Bành Tấn L gồm Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 184,5mét vuông (Loại đất ODT) và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa 87, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 51.250.000 đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 142,8mét vuông (Loại đất ODT) và tài sản gắn liền với đất (căn nhà kinh doanh mua bán xăng) thuộc thửa 87, tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 39.666.666 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 187,4mét vuông (Loại đất ODT) thuộc thửa 87, tại vị trí C và diện tích 37,7mét vuông (Loại đất CLN) thuộc thửa 88, tại vị trí D và tài sản gắn liền với đất tại vị trí C + D (nhà thờ) theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng diện tích đất trống còn lại là 251,3mét vuông (Loại đất ODT) và tài sản trên đất, thuộc thửa 87 theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 126.009.906 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu không trăm lẻ chín nghìn chín trăm lẻ sáu đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 123.536.666 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 123.536.666 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 1529,3mét vuông (trong đó: có 1231,7mét vuông (Loại đất CLN) và phần đất khu mộ diện tích 297,6mét vuông (Loại đất CLN) tại vị trí E) và tài sản trên đất, thuộc thửa 88 theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 54.742.222 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 54.742.222 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 54.742.222 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 2905,7mét vuông (Loại đất CLN) và tài sản trên đất, thuộc thửa 89 theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 129.142.222 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 129.142.222 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm chia lại giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 129.142.222 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 4305,6mét vuông (Loại đất LUA) và tài sản trên đất, thuộc thửa 265 theo Bản trích đo địa chính số 64/TTKTTNMT ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 95.680.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 95.680.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bộ gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 95.680.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có quyền, nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Đối với tài sản gắn liền với đất và tài sản trên đất, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng/điều chỉnh diện tích đất theo thực trạng giải quyết tranh chấp.

(Gửi kèm Bản trích đo địa chính số 64/TTKTTNMT ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ)

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Bành Thị Ánh H và bị đơn Bà Bành Thị B1 được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn L có Bà Trần Thị T được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn B có bà Nguyễn Thị Ngọc C được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bành Thị B gồm ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Thanh P được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn L gồm bà Bành Thị L và ông Trần Anh T phải nộp số tiền là 20.400.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn B gồm: Bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H phải nộp tổng số tiền là 20.371.277 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận O.

+ Nguyên đơn Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bành Thị B gồm: ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T và ông Nguyễn Thanh V phải nộp tổng số tiền là 20.371.277 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận O.

+ Bà Bành Thị Ánh H, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn B (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bộ gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H), bà Bành Thị B (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Thanh P), ông Bành Tấn T, bà Bành Ngọc A, bà Bành Thị U, ông Bành Tấn L (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L gồm Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T) mỗi người được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số: 001592; 001594; 001593; 001595; 001596; 001597; 001599; 001598 ngày 24/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận O.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính:

+ Buộc Bà Bành Thị B1, bà Bành Thị Ánh H mỗi người trả lại cho ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

+ Buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn L gồm: Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T trả lại cho ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

+ Buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H trả lại cho ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

+ Buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P trả lại cho

ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 20/11/2024, bị đơn là Bà Bành Thị B1 không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 14/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phương Đ cho rằng, ông là người chung sống với ông bà ngoại từ nhỏ. Bản thân ông có cải tạo vườn tạp, tu bổ nhà cửa và cải tạo cây xăng. Công sức ông bỏ ra tương đương khoảng 400 triệu đồng nhưng Toà án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông là không đúng, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà B1 và ông Đ giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, ông Đ có đơn yêu cầu nhưng không đóng tạm ứng án phí, không có tài liệu chứng minh về công sức đã đầu tư nên không có cơ sở xem xét. Bà B1 kháng cáo cho rằng việc chia thừa kế là không có căn cứ về giấy tờ quyền sử dụng đất, không có chứng cứ chứng minh việc tặng cho của cha mẹ cho các nguyên đơn, yêu cầu xét xử đúng pháp luật. Thấy rằng, bản án sơ thẩm đã phân chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Kháng cáo của ông Đ, bà B1 không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp thừa kế. Toà án nhân dân quận O đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đ có đơn kháng cáo. Hồ sơ thể hiện, sau khi Toà án sơ thẩm nhận đơn yêu cầu độc lập của ông Đ (Bút lục 85). Toà án sơ thẩm đã ra Thông báo nộp tạm ứng án phí (Bút lục 87). Thông báo này đã được Toà án sơ thẩm tống đạt cho ông Đ (Bút lục 86). Tuy nhiên, suốt quá trình tố tụng, ông Đ không có mặt đầy đủ theo triệu tập của Toà án sơ thẩm, không thực hiện nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, lẽ ra Toà án sơ thẩm trả lại đơn yêu cầu độc lập của ông Đ. Do ông Đ không thực hiện nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí nên Toà án sơ thẩm không xem xét yêu cầu của ông là đúng quy định pháp luật tố tụng đã nêu. Vì vậy, kháng cáo của ông cũng không được chấp nhận. Tuy nhiên, nếu ông chứng

minh được việc đầu tư, trồng cây thì ông có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Đơn kháng cáo của bà B1 với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm mà không nêu lý do cụ thể. Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên toà phúc thẩm, bà B1 cho rằng các nguyên đơn muốn chia thừa kế thì phải có giấy tờ về quyền sử dụng đất, có văn bản tặng cho của cha mẹ cho các nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quyền sử dụng đất do cha mẹ nguyên đơn và bị đơn để lại đã được xác minh, đo đạc cụ thể. Bản án sơ thẩm đã có nhận định không chấp nhận sự kiện ông H bà C tặng cho các nguyên đơn quyền sử dụng đất mà đã phân chia di sản thành 09 phần cho 09 người con. Trong đó, bà B1 đã được chia 01 phần. Việc phần chia này là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 652 Bộ luật dân sự vì ông H, bà C không để lại di chúc.

[4] Về cách thức phân chia, với đặc điểm, hiện trạng sử dụng đất tại thửa 87 và thửa 89, trên đất có các căn nhà, khu mộ. Các nguyên đơn thống nhất cách chia của án sơ thẩm. Bị đơn được chia 1/9 quyền sử dụng đất tại các thửa này nhưng nếu chia bằng hiện vật cho bà B1 thì sẽ thiệt hại công năng sử dụng tài sản trên đất và không có lối đi. Đối với thửa 265, nếu chia hiện vật cho bà B1 thì bà B1 được quyền sử dụng 4305,6 : 9 = 478,4 (mét vuông) đất LUC. Theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai 2024 và Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày ..của Uỷ ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định về diện tích tối thiểu tách thửa thì diện tích được chia cho bà B1 không đủ điều kiện tách thửa. Do vậy, Toà án sơ thẩm đã chia giá trị cho bà B1 theo giá thị trường của quyền sử dụng được chia là phù hợp và đúng quy định. Kháng cáo của bà B1 là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ trên cho thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử là căn cứ. Kháng cáo của bà B1 và ông Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà B1 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Di sản được phân chia như sau:

1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Bành Tấn L gồm Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 184,5m^2 (Loại đất ODT) và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa 87, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 51.250.000 đồng (Năm mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bà chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 142,8m^2 (Loại đất ODT) và tài sản gắn liền với đất (căn nhà kinh doanh mua bán xăng) thuộc thửa 87, tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 39.666.666 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bà chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 187,4m^2 (Loại đất ODT) thuộc thửa 87, tại vị trí C và diện tích 37,7m^2 (Loại đất CLN) thuộc thửa 88, tại vị trí D và tài sản gắn liền với đất tại vị trí C + D (nhà thờ) theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng diện tích đất trống còn lại là 251,3 m^2 (Loại đất ODT) và tài sản trên đất, thuộc thửa 87 theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 126.009.906 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu không trăm lẻ chín nghìn chín trăm lẻ sáu đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 123.536.666 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 123.536.666 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bà chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 1529,3m^2 (trong đó: có 1231,7m^2 (Loại đất CLN) và phần đất khu mộ diện tích 297,6m^2 (Loại đất CLN) tại vị trí E) và tài sản trên đất, thuộc thửa 88 theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 54.742.222 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 54.742.222 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 54.742.222 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bà chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 2905,7m^2 (Loại đất CLN) và tài sản trên đất, thuộc thửa 89 theo Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 129.142.222 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 129.142.222 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà H2 có trách nhiệm chia lại giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành

Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 129.142.222 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bà chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Bà Bành Thị Ánh H toàn quyền sử dụng phần đất diện tích 4305,6m^2 (Loại đất LUA) và tài sản trên đất, thuộc thửa 265 theo Bản trích đo địa chính số 64/TTKTTNMT ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Bà Bành Thị B1 số tiền 95.680.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P số tiền 95.680.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà H2 có trách nhiệm trả giá trị cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bộ gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H số tiền 95.680.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bà chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có quyền, nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Đối với tài sản gắn liền với đất và tài sản trên đất, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng/điều chỉnh diện tích đất theo thực trạng giải quyết tranh chấp.

(Đính kèm Bản trích đo địa chính số 64/TTKTTNMT ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Bản trích đo địa chính số 732/VPĐKĐĐ ngày 17/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ).

7.Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Bành Thị Ánh H và bị đơn Bà Bành Thị B1 được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn L có Bà Trần Thị T được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn B có bà Nguyễn Thị Ngọc C được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bành Thị B gồm ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Thanh P được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn L gồm bà Bành Thị L và ông Trần Anh T phải nộp số tiền là 20.400.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn B gồm: Bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H phải nộp tổng số tiền là 20.371.277 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận O.

+ Nguyên đơn Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bành Thị B gồm: ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T và ông Nguyễn Thanh V phải nộp tổng số tiền là 20.371.277 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận O.

+ Bà Bành Thị Ánh H, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn B (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bộ gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H), bà Bành Thị B (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Thanh P), ông Bành Tấn T, bà Bành Ngọc A, bà Bành Thị U, ông Bành Tấn L (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L gồm Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T) mỗi người được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số: 001592;

001594; 001593; 001595; 001596; 001597; 001599; 001598 ngày 24/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận O.

8.Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính:

+ Buộc Bà Bành Thị B1, bà Bành Thị Ánh H mỗi người trả lại cho ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

+ Buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn L gồm: Bà Trần Thị T, bà Bành Thị L và ông Trần Anh T trả lại cho ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

+ Buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Bành Tấn B gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Bành Ngọc H1, bà Bành Thị Ngọc B, ông Bành Tấn S, ông Bành Tấn G, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn V, bà Bành Ngọc Q và bà Bành Ngọc H trả lại cho ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

+ Buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bành Thị B gồm: Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh N1, bà Nguyễn Hữu Ngọc T, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh P trả lại cho ông Bành Tấn P số tiền 3.387.070 đồng (làm tròn) (Ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng).

9.Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Phương Đ phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002085 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O thành án phí, coi như ông Đ đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Chế Linh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận O
- THADS quận O
- Lưu hồ sơ vụ án.

Các Thẩm phán	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Võ Bảo Anh – Trần Tuấn Quốc	**Nguyễn Chế Linh**